

Bản án số: **04/2018/HC-ST**

Ngày: 19 - 4 - 2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về việc giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Sầm.

2. Ông Trần Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/3/2018 và 19/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-HC, ngày 29/11/2017, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HC, ngày 26/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HC, ngày 13/3/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm số: 01/2018/QĐST-HC, ngày 21/3/2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông M; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông M: Ông K; địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 26/10/2017). (có mặt tại phiên tòa ngày 21/3/2018 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/4/2018, có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A;** địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A: Ông X, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (theo Văn bản ủy quyền số 147/UBND-VP, ngày 01/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A). (vắng mặt, có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)

2.2. Ủy ban nhân dân huyện A; địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện A: Ông X, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (theo Văn bản ủy quyền số 45/UBND-VP, ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A). (vắng mặt, có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2017 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện M (do ông K là người đại diện hợp pháp) trình bày: Gia đình ông M có phần đất 15 công tằm lớn (khoảng 19.440m²), tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc đất là của ông S và bà T (cha mẹ ông M) khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1975.

Năm 1983, Nhà nước thu hồi phần đất nêu trên để làm lò gạch 30/4. Khi thu hồi không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất cho người bị thu hồi đất. Năm 1985, lò gạch 30/4 ngừng hoạt động nên gia đình ông M về tiếp tục canh tác và quản lý phần diện tích đất nêu trên.

Năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện A (sau đây viết tắt là UBND) mời ông M lên và trình bày “Đất này Nhà nước quản lý, đề nghị ông M nhận tiền hoa lợi coi như là phần mà UBND huyện A đền bù cho ông M”, mỗi công là 560.000đ, lúc đó ông H đại diện cho UBND huyện A chỉ phổ biến chứ hoàn toàn không có công văn hay quyết định thu hồi đất, tiền hoa lợi do ông H tự bỏ ra để trả cho gia đình ông M.

Năm 2009, UBND huyện A quyết định lấy phần đất nêu trên làm khu dân cư C, xã B. Khi thu hồi đất, UBND huyện A không xem xét bồi thường về đất mà chỉ xem xét hỗ trợ cho anh em của ông M là ông N 79.520.000đ và ông P 11.752.000đ, ông N và ông P đồng ý giao mặt bằng cho huyện tiến hành thi công nhưng lại không xem xét đến những người thừa kế còn lại của ông S và bà T.

Không đồng ý với việc giải quyết trên, ông M đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện A để yêu cầu được giải quyết nhưng UBND huyện A lại không thực hiện việc giải quyết khiếu nại của ông M. Ngày 20/02/2017, ông M nhận được Thông báo số 09/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông M với lý do thời hạn khiếu nại đã hết và đề nghị ông M chấm dứt khiếu nại.

Kể từ ngày UBND huyện A thu hồi đất để làm khu dân cư, ông M đã nhiều lần khiếu nại nhưng vẫn không được UBND huyện A giải quyết bằng văn bản nào cụ thể cũng không có quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền, việc khiếu nại của ông M kéo dài nhiều năm vẫn không được giải quyết nên không thể kết luận thời hạn khiếu nại đã hết. Hơn nữa, UBND huyện A cho rằng đến thời điểm này ông M mới phát sinh khiếu nại là không đúng vì ông M đã thực hiện việc khiếu nại từ nhiều năm nay.

Việc UBND huyện A ra Thông báo số 09/TB-UBND ngày 20/02/2017 là không đúng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông M và vi phạm quy định về việc tiếp nhận giải quyết khiếu nại của công dân theo quy định.

Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo số 09/TB-UBND ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

- Theo Văn bản số 909/UBND-VP ngày 21/12/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (do ông X là người đại diện hợp pháp) trình bày: Ngày 18/9/2016, UBND huyện A có nhận Công văn số 46/CĐ-BTCD do Ban tiếp công dân tỉnh Sóc Trăng chuyển đến kèm theo đơn khiếu nại của ông M đề ngày 16/6/2016 với nội dung khiếu nại: Năm 1983, huyện A thu hồi đất của ông diện tích 15 công làm lò gạch đến năm 1985 đất bỏ trống nên gia đình ông và 08 hộ dân khác vào khai phá trồng sen. Đến năm 1996, ông H là cán bộ UBND huyện A mời ông M và 08 hộ đến để phổ biến nói đất này nhà nước quản lý, đề nghị ông M và 08 hộ nhận hoa lợi giá 560.000đ/1.000m², diện tích đất của gia đình ông M 15 công, sau đó ông H lấy đất của gia đình ông M và 08 hộ đào ao nuôi tôm.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của ông M, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo ngành chức năng kiểm tra, rà soát kết quả giải quyết vụ việc của ông M kết quả như sau: Nguồn gốc đất là của vợ chồng bà T, ông S (cha mẹ ông M) sử dụng 15 công đất ruộng, đến năm 1977 nhà nước quy hoạch làm xí nghiệp gạch 30/4, trong đó có đất của bà T và một số hộ dân xung quanh đều nằm trong quy hoạch làm nguyên liệu để sản xuất gạch. Khi nhà nước thu hồi đất làm xí nghiệp gạch, các hộ dân đều được cấp đất nơi khác sản xuất theo bình quân nhân khẩu, gia đình bà T được cấp 15 công đất ruộng tại ấp C3, tập đoàn số 03, giáp ranh ấp C4, xã B3, bà T canh tác được khoảng 1 - 2 năm thì bỏ đất.

Năm 1994, xí nghiệp gạch 30/4 giải thể, toàn bộ diện tích đất xí nghiệp gạch giao cho Văn phòng UBND huyện quản lý, lúc đó có một số hộ dân làm đơn xin lại đất gốc, trong đó có hộ bà T, nhưng chưa được UBND huyện giải quyết thì con bà T gồm: ông N tự ý bao chiếm lại phần đất phía sau lò gạch diện tích 6.421m², đến năm 1996 lên lập cất nhà ở và ông Q (con bà T) bao chiếm, sử dụng 2.190m².

Năm 1997, ông H - Phó Chánh Văn phòng UBND huyện A mời các hộ có đất do nhà nước thu hồi làm xí nghiệp gạch đến nhà ông W (Trưởng Ban nhân dân ấp C) nhận tiền trả hoa lợi giá 560đ/m², trong đó có bà T đã nhận tiền xong 04 thửa đất diện tích 15.000m² x 560.000đ/1.000m² = 8.400.000đ. Đến năm 2003, Đoàn kiểm tra UBND huyện đo đạc thực tế 04 thửa đất này có tổng diện tích 16.839m² (thửa số 67, diện tích 3.112m²; thửa số 85, diện tích 5.116m²; thửa số 65, diện tích 6.421m²; thửa số 127, diện tích 2.190m²) phần đất này nằm trong bờ bao xí nghiệp gạch (gia đình bà T đã nhận tiền trả hoa lợi, nay làm khu dân cư ấp C).

Sau khi UBND huyện ban hành Quyết định số 969/QĐHC-CTUBND, ngày 14/9/2009, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư ấp C, xã B, UBND huyện có xem xét, hỗ trợ cho ông N (con bà T) số tiền 79.520.000đ (biên nhận ngày 16/01/2012), tiền hỗ trợ hoa màu và vật kiến trúc bị ảnh hưởng trên phần đất của khu dân cư ấp C,

ông N đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Ông P (con bà T) số tiền 11.752.400đ (biên nhận ngày 29/10/2011), tiền hỗ trợ hoa màu và vật kiến trúc bị ảnh hưởng trên phần đất của khu dân cư ấp C, ông P đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Như vậy, bà T (mẹ ông M), ông N, ông P (em ông M) đã đồng ý, không khiếu nại phần đất quy hoạch khu dân cư ấp C từ tháng 10/2011, đến ngày 16/6/2016 ông M mới phát sinh khiếu nại.

Căn cứ Điều 9 và Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011 thì việc khiếu nại của ông M đã hết thời hiệu, thời hạn khiếu nại, giải quyết khiếu nại và nội dung khiếu nại không có cơ sở để xem xét giải quyết. Mặt khác, kết quả xem xét giải quyết trước đây là phù hợp, đúng quy định và mẹ ông M (bà T), em ông M (ông N, ông P) đã nhận tiền trả hoa lợi, hoa màu, vật kiến trúc năm 1997 và năm 2011 - 2012.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Thông báo số 09/TB-UBND ngày 20/02/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông M là đúng quy định.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; do đó các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về xác định người bị kiện: Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện ông M xác định người bị kiện là UBND huyện A và yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Từ cơ sở đó, Tòa án đã xác định người bị kiện là UBND huyện A. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định Thông báo số 09/TB-UBND ngày 20/02/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là do Chủ tịch UBND huyện A ban hành chứ không phải do UBND huyện A ban hành, từ đó Tòa án đã xác định lại người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch UBND huyện A (*người có quyết định hành chính*). Sau đó, qua quá trình xác minh, thu thập chứng cứ Tòa án thấy rằng do trước

đây UBND huyện A đã có giải quyết khiếu nại của gia đình ông M nên Tòa án cũng xác định người bị kiện trong vụ án này là UBND huyện A (*người có hành vi hành chính*). Việc Tòa án xác định người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch UBND huyện A và UBND huyện A là phù hợp theo khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 và vấn đề này cũng được người đại diện hợp pháp của ông M đồng ý.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Quyết định hành chính bị kiện là Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại có nội dung “*Xét thấy việc khiếu nại của ông M đã hết thời hạn, thời hiệu khiếu nại; mặt khác nội dung khiếu nại của ông M trước đây đã được Ủy ban nhân dân huyện A xem xét giải quyết hợp tình, hợp lý, do vậy đề nghị ông M chấm dứt khiếu nại*”. Như vậy, nội dung của Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đã bao gồm cả nội dung giải quyết khiếu nại của ông M. Vì vậy, việc trước đây Tòa án chỉ thụ lý và đưa vụ án ra xét xử với quan hệ pháp luật “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại*” là chưa chính xác, đầy đủ nên HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại*” cho phù hợp.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Người khởi kiện ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Sau khi Chủ tịch UBND huyện A ban hành Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại thì đến ngày 13/9/2017, người khởi kiện ông M gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xem xét hủy Thông báo này, là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự*: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện A và UBND huyện A vắng mặt nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; riêng đối với người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông M có mặt tại phiên tòa ngày 21/3/2018 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/4/2018 nhưng cũng có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 158 và Điều 168 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[6] Ông M thừa nhận vào năm 1983, Nhà nước có thu hồi của cha mẹ ông là ông S và bà T phần đất diện tích 15 công tằm cấy (19.440m²), tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng để làm lò gạch 30/4, đến năm 1985, lò gạch 30/4 ngừng hoạt động thì gia đình ông M tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên. Năm 1996, ông H đại diện cho UBND huyện A mời ông lên làm việc và đã thực hiện việc bồi hoàn tiền hoa lợi

cho gia đình ông M với số tiền 560.000đ/công nhưng không có ra công văn hay quyết định thu hồi đất gì, tiền hoa lợi do ông H tự bỏ ra để trả cho gia đình ông M. Sau đó, đến năm 2009, UBND huyện A quyết định thu hồi phần đất nêu trên để làm khu dân cư ấp C, xã B, huyện A. Khi thu hồi đất, UBND huyện A không xem xét bồi thường về đất mà chỉ xem xét hỗ trợ cho anh em của ông M là ông N 79.520.000đ và ông P 11.752.000đ, ông N và ông P đồng ý giao mặt bằng cho UBND huyện tiến hành thi công nhưng lại không xem xét đến những người thừa kế còn lại của ông S và bà T. Những lời thừa nhận của ông M nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 79 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[7] Về thời hiệu khiếu nại: Như đã nêu ở phần trên thì việc UBND huyện A tiến hành quy hoạch và thu hồi phần đất nêu trên của ông S và bà T để làm khu dân cư ấp C, xã B, huyện A (theo Quyết định số 969/QĐHC-CTUBND, ngày 14/9/2009 của UBND huyện A) ông M đã biết từ năm 2009, bởi lẽ ông M từ trước đến nay đều cư trú ở ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng là nơi thi công xây dựng dự án khu dân cư ấp C, xã B, huyện A, đồng thời mẹ và các anh em của ông M (bà T, ông N và ông P) đều đã đồng ý nhận tiền hỗ trợ và thực tế đã bàn giao phần đất nêu trên cho UBND huyện A tiến hành khởi công xây dựng dự án vào thời điểm năm 2011 - 2012. Tuy nhiên, từ thời điểm đó cho đến cuối năm 2016, ông M mới khiếu nại yêu cầu UBND huyện A giải quyết là đã hết thời hiệu khiếu nại, theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 (*“Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại”*). Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện A ban hành Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do khiếu nại của ông M đã hết thời hiệu khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

[8] Mặt khác, theo các tài liệu chứng cứ do UBND huyện A cung cấp đã thể hiện trước đây UBND huyện A đã giải quyết khiếu nại của gia đình ông M xong và mẹ cùng các anh em của ông M (gồm bà T, ông N, ông Q và ông P) đã thống nhất với việc giải quyết của UBND huyện A thông qua việc đồng ý nhận tiền hỗ trợ và bàn giao đất lại cho UBND huyện A tiến hành khởi công xây dựng dự án khu dân cư ấp C, xã B, huyện A vào thời điểm năm 2011 - 2012. Do đó, trong trường hợp ông M có tranh chấp về số tiền mà mẹ cùng các anh em của ông M đã nhận từ UBND huyện A (đối với phần ông M cho rằng ông được thừa kế của ông S mà UBND huyện A không xem xét) thì ông M có quyền khởi kiện về vấn đề thừa kế đối với những người này. Còn việc UBND huyện A đã giải quyết khiếu nại của gia đình ông M xong nên việc ông M yêu cầu hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Tuy nhiên, Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại chỉ căn cứ vào Điều 11 Luật

Khiếu nại năm 2011 mà không căn cứ vào Điều 9 (“*Thời hiệu khiếu nại*”) và Điều 18 (“*Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*”) của Luật Khiếu nại năm 2011, là có thiếu sót. Xét thấy, Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại về nội dung đã đúng quy định của pháp luật như những phân tích ở phần trên, nên không cần thiết phải hủy để ban hành văn bản khác thay thế, mà chỉ cần nêu các thiếu sót nêu trên để Chủ tịch UBND huyện A rút kinh nghiệm là đủ.

[10] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX quyết định căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

[11] Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông M không được Tòa án chấp nhận, nên ông M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 168, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông M về việc yêu cầu hủy Thông báo số 09/TB-UBND, ngày 20/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà ông K là người đại diện đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000469 ngày 28/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, người khởi kiện ông M đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự

vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án này hoặc ngày bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa HC.

Nguyễn Văn Dũ